

Số/No: 100 /2025-CBTT

TP.HCM, ngày 11 tháng 03 năm 2025  
Ho Chi Minh City, 11 March 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange**

1. Tên CTQLQ/Fund Management Company (FMC): **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM/Dragon Capital VietFund Management JSC**
- Tên Quỹ ETF niêm yết/Fund: **Quỹ ETF DCVFMVN30/DCVFMVN30 ETF**
  - Mã chứng khoán/Stock code: **E1VFN30**
  - Địa chỉ trụ sở chính/Address: **Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM/15<sup>th</sup> Floor, MeLinh Point Tower, 2 Ngo Duc Ke St., D.1, HCMC**
  - Điện thoại/Tel: **08-3825 1488**
  - Email: **eskh@dragoncapital.com** website: **<http://dragoncapital.com.vn>**

2. **Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:**

**Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024**  
*Report on management operations of FMC for YE2024*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 11/03/2025 tại đường dẫn <http://dragoncapital.com.vn>.

*This information was disclosed on Company's/Fund's website on 11 March 2025 at <http://dragoncapital.com.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and we bear full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents**

**Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024**  
*Report on management operations of FMC for YE2024*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**  
*Representative of Dragon Capital VietFund Management JSC*

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
*Authorized person to disclose information*



**LÊ HOÀNG ANH**

**Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**  
*Acting Director, Investment Service*

TP.HCM, ngày 11 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 11 March 2025

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024**  
*Annual Report on management operation of Fund Management Company*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam*  
Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

**1. Thông tin về quỹ/Information about the fund :**

- a) Tên của quỹ, loại hình quỹ/Name and type of Fund : **QUỸ ETF DCVFMVN30/ DCVFMVN30 ETF**  
b) Mục tiêu đầu tư của quỹ /Investment objectives of the fund :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN30 theo phương pháp tổng thu nhập (“chỉ số tham chiếu”).

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

*The primary objective of the Fund is to replicate the performance of VN30 Index according to the total return method (“the reference index”).*

*The Fund implements a passive investing strategy to carry out its pre-set investment objectives. When the basket of component securities of the reference index changes, the Fund shall adjust its investment portfolio to be consistent with the basket of the reference index in terms of structure and weighting of underlying securities. The Fund shall seek to achieve a performance result which is similar to the reference index and shall not implement the defense strategy when the market declines and shall not realise its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of the reference index by keeping a ratio of investment capital turnover lower than the ratio used by funds which implement the active investment strategy.*

- c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có)/Operating period of the fund (if any):

Được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

*The Fund has been operating since The State Securities Commission of Vietnam issued the Establishment registration certificate and the Fund has an indefinite life.*





d) Danh mục tham chiếu (nếu có)/ *Benchmark portfolio (if any)* : Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30/ *VN30 Total Return Index portfolio*

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong VN30 tại ngày 31/12/2024 như sau:

*Securities ticker and weighting in VN30 as of 31/12/2024:*

Mã cổ phiếu <i>Securities ticker</i>	Tỷ trọng (%) <i>Weighting</i>	Mã cổ phiếu <i>Securities ticker</i>	Tỷ trọng (%) <i>Weighting</i>	Mã cổ phiếu <i>Securities ticker</i>	Tỷ trọng (%) <i>Weighting</i>
FPT	11.3	VCB	4.1	TPB	1.6
TCB	8.3	VNM	3.9	VRE	1.1
ACB	7.6	VIC	3.4	BID	0.8
HPG	6.9	MSN	3.3	GAS	0.6
VPB	6.1	SSI	2.6	SAB	0.6
MBB	5.4	SHB	2.3	POW	0.4
MWG	5.2	SSB	2.3	GVR	0.4
STB	5.1	CTG	2.2	PLX	0.4
HDB	4.9	VJC	2.2	BVH	0.3
VHM	4.5	VIB	2.2	BCM	0.2

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policies*:

Theo quy định của Điều lệ Quỹ hiện tại, Quỹ ETF DCFVMVN30 không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản của Quỹ.

*According to the current Fund's Charter, DCFVMVN30 ETF shall not distribute its profits to minimize costs incurred for investors. The operating profit of the Fund shall be accumulated to increase the net asset value of the Fund.*

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành/ *The number of outstanding Fund units*:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2023 <i>Number of outstanding Fund units as at 31 Dec 2023</i>	<b>386,800,000</b>	CCQ <i>Fund units</i>
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ <i>Number of Fund units created within the year</i>	46,800,000	CCQ <i>Fund units</i>
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ <i>Number of Fund units redeemed within the year</i>	(145,500,000)	CCQ <i>Fund units</i>
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2024 <i>Number of outstanding Fund units as at 31 Dec 2024</i>	<b>288,100,000</b>	CCQ <i>Fund units</i>

**g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:** được đề cập trong Điều lệ đính kèm được Đại hội Nhà đầu tư thường niên Năm tài chính 2023 của Quỹ ETF DCFVMVN30 (mã chứng khoán: E1VFN30) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 24/04/2024. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn Quỹ ETF DCFVMVN30 – Điều lệ Quỹ sửa đổi bổ sung tháng 04/2024 ([dragoncapital.com.vn/](http://dragoncapital.com.vn/))/ *The change was mentioned in the attached Charter approved by the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2023 of the DCFVMVN30 ETF (Stock code: E1VFN30) on April 24, 2024. Detailed content was published on the website of the fund/fund management company at the link Documents & Reports | Personal Investors | Dragon Capital*

**h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có):** Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên Năm tài chính 2023 của Quỹ ETF DCFVMVN30 (mã chứng khoán: E1VFN30) thông qua

bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 24/04/2024 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2023, kế hoạch hoạt động của quỹ năm 2024, báo cáo tài chính đã kiểm toán của quỹ năm 2023, ngân sách ban đại diện quỹ 2024, ủy quyền ban đại diện quỹ lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật... Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn Quỹ ETF DCVFMVN30 – Biên bản kiểm phiếu & Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 ([dragoncapital.com.vn](http://dragoncapital.com.vn))/ *The Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2023 of the DCVFMVN30 ETF (Stock code: E1VFN30) was held in the form of collecting written opinions on April 24, 2024, approving the operating results in 2023 of the Fund, the operating plan for 2024, the budget of the fund's representative board in 2024, authorizing the fund's representative board to select an auditing company for the fund in 2024, amended charter of fund... Detailed content is published on the website of the fund/fund management company at the link [Documents & Reports | Personal Investors | Dragon Capital](#).*

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF/*Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds:*

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

*Please see details in Section 4. Reporting on operations of the supervisory bank.*

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/*Reporting on operations of the Fund*

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất/*Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at December 31<sup>st</sup> of the latest 3 years (if any):*

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (*không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán*)/ *The investment portfolio of the Fund, sorted by business sectors/ fields and product types (stocks, bonds, etc.) (details about the entire portfolio by ticker symbol are not required);*

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau/ *the investment portfolio sorted by asset classes :*

Cơ cấu tài sản quỹ <i>Fund's assets structure</i>	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Danh mục chứng khoán/ <i>Investment portfolio</i>	99.26%	99.40%	99.08%
Tài sản khác/ <i>Other assets</i>	0.74%	0.60%	0.92%
Cộng/ <i>Total</i>	100.00%	100.00%	100.00%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau/ *the investment portfolio sorted by sectors:*

Ngành/ <i>Sector</i>	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Ngân Hàng/ <i>Banks</i>	52.6%	49.3%	43.7%
Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm/ <i>Software &amp; Services</i>	11.2%	12.2%	7.4%
Bất Động Sản/ <i>Real Estate</i>	9.6%	9.3%	16.1%
Vật Liệu/ <i>Materials</i>	6.8%	7.5%	5.9%
Dịch Vụ Tài Chính/ <i>Financial Services</i>	5.9%	6.7%	8.0%
Bán Lẻ/ <i>Retail</i>	5.2%	5.5%	4.9%
Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá/ <i>Food, Beverage &amp; Tobacco</i>	4.4%	4.8%	7.8%
Vận Tải/ <i>Transportation</i>	2.2%	2.3%	3.1%
Năng Lượng/ <i>Energy</i>	0.9%	1.1%	1.5%
Tiền mặt & Khác/ <i>Cash &amp; Others</i>	0.5%	0.6%	0.8%
Tiện ích Công Cộng/ <i>Utilities</i>	0.4%	0.5%	0.5%
Bảo Hiểm/ <i>Insurance</i>	0.3%	0.3%	0.3%
Tổng/ <i>Total</i>	100%	100%	100%



Giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ chứng khoán đang lưu hành; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm; Tỷ lệ chi phí hoạt động, Tốc độ vòng quay danh mục / *NAV of the fund; NAV per fund unit; number of outstanding fund certificates; The highest/lowest NAV per fund unit in the year; The operating expense ratio and the turnover rate:*

Chỉ tiêu/ Indicators	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ/ <i>NAV</i> (VND)	6,771,293,303,542	7,549,830,590,857	7,398,576,174,016
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành <i>Total fund units in circulation</i>	288,100,000.00	386,800,000.00	431,900,000.00
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ) <i>Net asset value per fund unit</i>	23,503.27	19,518.69	17,130.29
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) <i>The highest net asset value per fund unit during the reporting period</i>	23,824.50	21,678.06	26,190.78
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) <i>The lowest net asset value per fund unit during the reporting period</i>	19,518.27	17,129.55	15,350.05
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) <i>Operating expenses/Average NAV during the period</i>	0.81%	0.82%	1.10%
Tốc độ vòng quay danh mục (%) <i>Turnover of investment portfolio</i>	28.04%	46.93%	106.48%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau/*Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*

STT No	Chỉ tiêu Items	VND
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) <i>Profits from the growth in securities price (capital gains)</i>	785,713,991,171
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi) <i>Profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.)</i>	148,379,996,027
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu <i>Profits from disposal of securities</i>	543,758,281,136
4	Tổng chi phí <i>Total expenses</i>	64,133,935,608
	<b>Tổng lợi nhuận của Quỹ</b> <b><i>Total Profits of the Fund</i></b>	<b>1,413,718,332,726</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

*Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None*

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/ reverse repo : Không có

*Information about loans and amounts payable of the Fund (if any), repo/reverse repo transactions: None*

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/*Profit indicator of the fund:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định/ *Average annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:*

DVT : đồng/VND

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm)/1 year	1,413,718,332,726.00
(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm)/3 years	(183,455,935,911.67)
(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm)/5 years	768,969,368,372.00

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

*Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization : Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.*

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

*Data and figures are provided by an independent organization : the quotations are provided by three independent brokers approved by BOR annually.*

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

*The report must include the recommendation that the previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed.*

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau/*The report on the management of assets of the fund management company shall include the following contents :*

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có

*Explanations about the replacement of the fund management company (if any): None*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) / *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund (if the annual report of the fund/securities investment company is submitted) :*

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN30 theo phương pháp tổng thu nhập (VN30-TRI). Kết thúc năm 2024, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức khoảng 0.04%.

*The objective of the fund is to replicate the performance of VN30 Index according to the total return method (VN30-TRI). By end of 2024, the fund achieved this objective with tracking error of 0.04% compared to benchmark index.*

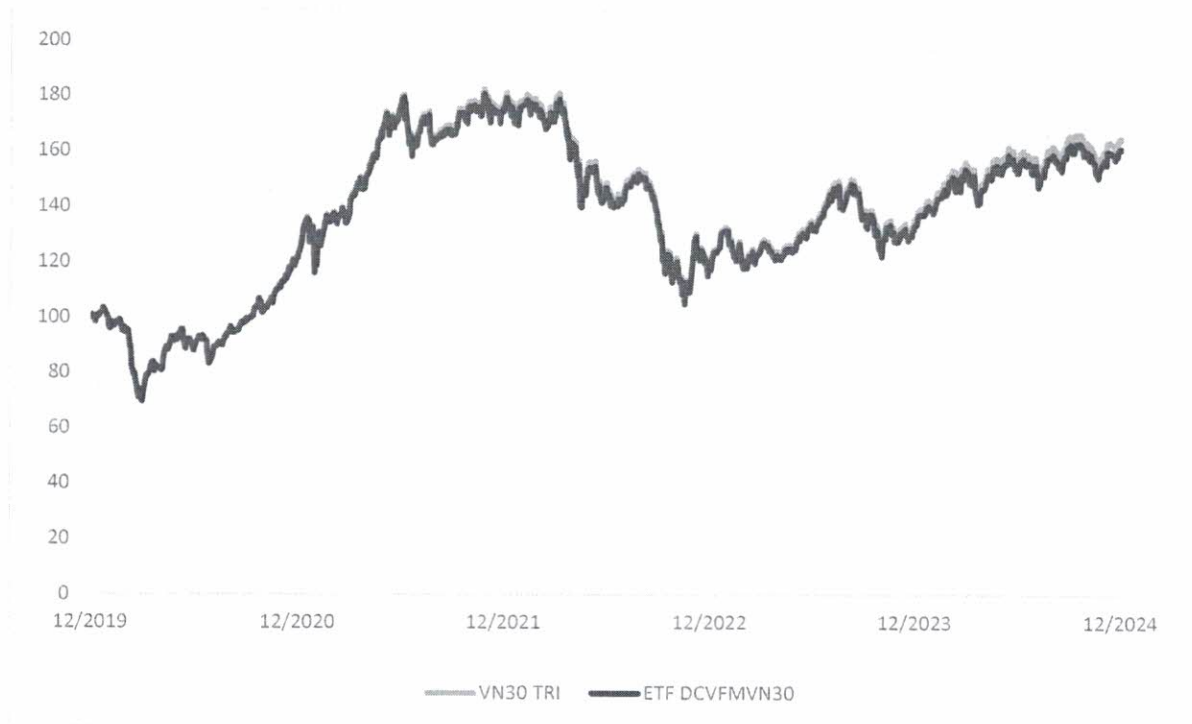
c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) / *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph)*

:



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph) :*





e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/  
*Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided :*

Quỹ ETF DCFVMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCFVMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

*DCFVMVN30 ETF implements a passive investing strategy to carry out its preset investment objectives. When the underlying securities of Benchmark Index changes, DCFVMVN30 ETF shall adjust the Fund's portfolio in order to make it consistent with the Benchmark Index in terms of structure and weighting of assets. The Fund shall seek to obtain a result which is similar to the Benchmark Index and shall not implement the defence strategy when the market is going down and shall not take its profits when the market is pricing too high. The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of Benchmark Index by keeping the Fund's turnover ratio lower than the turnover ratio of active fund.*



f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the year preceding the reporting year :*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2024 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

*Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2024 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất/ *Analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period :*

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2024 của Quỹ ETF DCVFMVN30 là 23,503.27 đồng tăng 20.4% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2023 của Quỹ là 19,518.69 đồng.

*DCVFMVN30 ETF net asset value per share as of 31/12/2024 was 23,503.27, increased 20.4% compared to net asset value per share as of 31/12/2023 which was 19,518.69*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)/ *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc :*

Trong năm 2024 thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng khi chỉ số VN-Index tăng khoảng 12.1% so với cuối năm 2023. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng 18.9%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức tăng 9.9% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức tăng 5.8%.

*In 2024, the Vietnamese stock market experienced growth, with the VN-Index rising by approximately 12.1% compared to the end of 2023. The VN30 Index, which represents Vietnam's largest and most liquid stocks, increased by 18.9%, while the VNMid-cap Index rose by 9.9%, and the VNSmall-cap Index gained 5.8%.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có) ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

*Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division): None*

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ : không có

*Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced: None*

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có) : Không có

*Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any): None*

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

*Other information (if any): None*

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the supervisory bank :***

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ ETF DCVFMVN30 (“ETF DCVFMVN30” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

*The supervisory bank must make assessment of the compliance with law and regulations, Fund Charter and Fund prospectus of Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company during the operation and management of DCVFMVN30 ETF (“E1VFN30” or “Fund”) with respect to the following contents:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

*Explanations about the replacement of the supervisory bank (if any): From 1st January 2024 to 31st December 2024, the Fund did not replace the Supervisory Bank.*

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

*Depositing of assets of the fund: From 01st January 2024 to 31st December 2024, the Fund deposited assets in accordance with prevailing regulations.*

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

*Compliance with investment limits and loan limits as prescribed by law and regulations, Fund charter and Fund prospectus;*

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

*During our supervision of the Fund's investments and asset transactions for the period from 01st January 2024 to 31st December 2024, the Fund's investment portfolio complied with investment limits under prevailing regulations for exchange traded fund, Fund Charter, Fund Prospectus and other relevant regulations.*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

*From 01st January 2024 to 31st December 2024, the Fund did not have any borrowing and lending agreements.*

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

*Determination of net asset value as prescribed by law and regulations, Fund Charter, Fund Prospectus and Valuation Manual: the determination of the Fund's net asset value complied with the Fund Charter, Fund Prospectus, Valuation Manual approved by the Board of Representative and other prevailing regulations.*



e) Việc phát hành và hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ và hoán đổi chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

*Offering of additional fund certificates and redemption of fund certificates as prescribed by law and regulations, Fund Charter and Fund Prospectus: The issuance of additional fund certificates and redemption of fund certificates complied with prevailing regulations, Fund Charter and Fund Prospectus.*

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

*Distribution of profits of the fund: From 01st January 2024 to 31st December 2024, the Fund did not distribute profits and pay dividend to Fund Unit Holders.*

## 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ Reporting on authorized activities

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau/  
*The fund management company must prepare a report on assessment of quality of services rendered by other entities (authorized parties) such as transfer agent services, fund management services, NAV valuation services, etc. with the following contents :*

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/ *Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund :*

Chi tiêu <i>Items</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Compared with profits</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared with total operating expenses</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared with incomes</i>
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng/ <i>Transfer Agent Fee</i>	0.00%	0.11%	0.00%
Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ/ <i>Fund Administrative Fee</i>	0.14%	3.40%	0.14%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

*Impacts (if any) of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund: None*

b) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ) / *Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company) :*

STT No	Chi tiêu Items	Số tiền VND
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng/ <i>Transfer Agent Fee</i>	66,000,000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ/ <i>Fund Administrative Fee</i>	2,023,416,803
	Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền của Quỹ <i>Total costs for performing authorized activities paid</i>	<b>2,089,416,803</b>

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

*Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors: Good*

**Nơi nhận/ Place of Receipt:**

- Như trên/ As above;
- Lưu/ Kept:

**QUYỀN GIÁM ĐỐC**  
**NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**  
*Acting Director, Investment Service*



**LÊ HOÀNG ANH**